

Công ty Cổ phần Docimexco và các Công ty con
Báo cáo của Hội đồng Quản trị
Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 2
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	3
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31/12/2008	4 - 5
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2008	6
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2008	7
6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2008	8 - 28

**CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Docimexco trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (“Nhóm Công ty”) đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Văn Phát	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Phạm Văn Được	Phó Chủ tịch HDQT
Ông Phạm Văn Dũng	Thành viên HDQT
Ông AnThony Nguyễn	Thành viên HDQT
Ông Lê Ngọc Đăng	Thành viên HDQT
Ông Lưu Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HDQT
Ông Trang Hữu Nghĩa	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Đinh Thiện Hiền	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên Ban kiểm soát

2. Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Ông Phạm Văn Được	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Dũng	Phó Giám đốc

3. Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2008 và kết quả hoạt động của năm tài chính 2008 cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ kết thúc vào cùng ngày 31/12/2008 được trình bày từ trang 04 đến trang 28.

4. Kiểm toán viên

Công ty Tư vấn và Kiểm toán CA&A được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008.

5. Công bố trách nhiệm của Công ty đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty đã:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và

**CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008. Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

6. Phê duyệt của Hội đồng quản trị

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bảng thuyết minh báo cáo hợp nhất. Các báo cáo này đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008.

Thay mặt Hội đồng quản trị

Ngày 21 tháng 02 năm 2009

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2009

Số: 159d/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
của Công ty Cổ phần Docimexco và các Công ty con

Kính gửi: CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Docimexco (“Công ty”) và các Công ty con (sau đây gọi tắt là “Nhóm Công ty”) bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 (từ trang 04 đến trang 28). Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là nêu ý kiến nhận xét căn cứ vào kết quả kiểm toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, các Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm theo bảng báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính vào ngày 31/12/2008 của Nhóm Công ty cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 và được lập phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Kiểm toán viên

Nguyễn Ngọc Tuyền
Chứng chỉ KTV số: 0188/KTV

Phó Giám đốc

Nguyễn Lương Nhân
Chứng chỉ KTV số: 0182/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		429.536.908.002	337.331.099.151
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>		<i>27.546.451.117</i>	<i>7.153.428.102</i>
1. Tiền	111	V.01	27.546.451.117	7.153.428.102
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>III. Các khoản phải thu</i>	<i>130</i>	V.02	<i>130.366.697.161</i>	<i>128.785.431.953</i>
1. Phải thu khách hàng	131		73.062.116.104	71.728.693.479
2. Trả trước cho người bán	132		34.361.288.636	13.563.755.689
3. Các khoản phải thu khác	135		24.557.461.000	43.496.892.785
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.614.168.579)	(3.910.000)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>	V.03	<i>260.821.711.199</i>	<i>182.257.476.198</i>
1. Hàng tồn kho	141		335.940.492.707	182.257.476.198
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(75.118.781.508)	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>	V.04	<i>10.802.048.525</i>	<i>19.134.762.898</i>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.058.354.104	1.068.820.342
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.922.686.781	6.719.751.420
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		2.025.083.560	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.795.924.080	11.346.191.136
B. Tài sản dài hạn	200		250.547.087.083	190.293.879.211
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>II. Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>88.006.050.549</i>	<i>107.461.494.468</i>
1. TSCĐ hữu hình	221	V.05	65.131.348.558	42.528.150.271
- Nguyên giá	222		141.275.145.086	106.039.381.655
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(76.143.796.528)	(63.511.231.384)
2. TSCĐ vô hình	227	V.06	4.732.662.127	4.060.705.086
- Nguyên giá	228		4.790.958.460	4.098.278.460
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(58.296.333)	(37.573.374)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	18.142.039.864	60.872.639.111
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<i>240</i>	V.08	<i>754.289.103</i>	<i>1.081.210.476</i>
1. Nguyên giá	241		1.408.131.849	1.408.131.849
2. Giá trị hao mòn luỹ kế	242		(653.842.746)	(326.921.373)
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>250</i>		<i>153.201.997.903</i>	<i>77.805.066.701</i>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.09	151.832.848.903	11.210.912.801
2. Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	1.369.149.000	66.594.153.900
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>		<i>5.214.446.197</i>	<i>3.946.107.566</i>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	5.214.446.197	3.946.107.566
<i>VI. Lợi thế thương mại</i>	<i>269</i>		<i>3.370.303.331</i>	<i>-</i>
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		680.083.995.085	527.624.978.362

Thuyết minh báo cáo tài chính định kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Nợ phải trả	300		484.449.890.048	436.022.605.494
I. Nợ ngắn hạn	310		434.199.840.035	353.326.424.453
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	303.379.013.850	269.101.340.166
2. Phải trả người bán	312	V.13	37.420.913.378	17.785.912.481
3. Người mua trả tiền trước	313	V.13	30.952.968.231	4.164.488.945
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.14	13.979.272.681	1.289.027.992
5. Phải trả người lao động	315	V.15	4.447.635.011	3.927.616.204
6. Chi phí phải trả	316	V.16	503.099.346	676.942.823
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.17	43.516.937.538	56.381.095.842
II. Nợ dài hạn	330		50.250.050.013	82.696.181.041
1. Phải trả dài hạn khác	333	V.18	32.922.137.303	64.629.045.391
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.19	17.271.149.407	17.907.152.204
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.20	56.763.303	159.983.446
B. Vốn chủ sở hữu	400	V.21	195.634.105.037	91.602.372.868
I. Vốn chủ sở hữu	410		197.977.395.429	92.103.112.734
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		88.700.000.000	88.700.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	420		109.277.395.429	3.403.112.734
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		(2.343.290.392)	(500.739.866)
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		(2.343.290.392)	(500.739.866)
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		680.083.995.085	527.624.978.362

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		
4. Nợ khó đòi đã xử lý		
5. Ngoại tệ tiền mặt và tiền gửi ngân hàng		
6. Dự toán chi hoạt động		

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

HÀ XUÂN LONG
Kế toán trưởng
Ngày 21 tháng 02 năm 2009

PHẠM VĂN DƯỢC
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008	Từ 07/7/2007 đến 31/12/2007
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.836.565.686.410	602.684.988.975
Trong đó: Doanh thu hàng xuất khẩu			1.289.897.529.761	447.153.276.796
2. Các khoản giảm trừ	02		6.748.384.958	418.787.042
3. Doanh thu thuần	10	VI.22	1.829.817.301.452	602.266.201.933
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.23	1.634.103.052.203	556.518.860.816
5. Lợi nhuận gộp	20		195.714.249.249	45.747.341.117
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.24	44.955.538.769	5.131.578.866
7. Chi phí tài chính	22	VI.25	73.085.180.209	14.149.129.808
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		62.497.803.439	12.109.693.954
8. Chi phí bán hàng	24	VI.26	48.957.882.539	23.971.314.205
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.27	33.987.647.789	8.716.462.933
10. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh	30		84.639.077.481	4.042.013.037
11. Thu nhập khác	31	VI.28	2.368.617.933	38.871.288
12. Chi phí khác	32		70.374.671	27.716.614
13. Lợi nhuận khác	40		2.298.243.262	11.154.674
14. Lợi nhuận từ đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	45		55.922.020.003	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		142.859.340.746	4.053.167.711
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.29	17.508.365.199	650.054.977
17. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		125.350.975.547	3.403.112.734
Lợi nhuận/ (lỗ) sau thuế phân bổ cho:				
19. Cổ đông thiểu số	61		-	-
20. Cổ đông Công ty mẹ	62		125.350.975.547	3.403.112.734
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.30	14.132	384

HÀ XUÂN LONG

Kế toán trưởng

Ngày 21 tháng 02 năm 2009

PHẠM VĂN DƯỢC

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
BÁO CÁO LUU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

	<i>Mã số</i>	<i>Năm 2008</i>	<i>Từ 07/7/2007 đến 31/12/2007</i>
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	142.859.340.746	4.053.167.711
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	11.520.713.803	5.041.857.721
Các khoản dự phòng	03	76.729.040.087	(733.080.595)
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(30.897.194)	89.513.129
Lãi/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	(61.281.736.000)	(1.183.580.831)
Chi phí lãi vay	06	62.497.803.439	12.109.693.954
Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động	08	232.294.264.881	19.377.571.089
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(11.270.683.192)	257.756.132.253
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(153.683.016.509)	(48.475.104.199)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	79.065.216.659	(149.355.714.584)
Tăng/ giảm chi phí trả trước	12	(828.300.218)	(868.542.759)
Tiền lãi vay đã trả	13	(61.994.704.093)	(11.734.765.772)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(9.172.231.602)	(1.322.020.325)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	6.798.428	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(3.307.274.403)	(1.962.692.160)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	71.110.069.951	63.414.863.543
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(44.027.968.201)	(5.811.498.875)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	101.753.247	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(26.495.873.084)	(69.223.698.900)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.298.759.519	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(65.123.328.519)	(75.035.197.775)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn	33	1.663.577.551.687	614.553.498.732
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.631.732.168.061)	(639.078.307.881)
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36	(17.363.500.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	14.481.883.626	(24.524.809.149)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	20.468.625.058	(36.145.143.381)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	7.153.428.102	43.388.084.612
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	(75.602.043)	(89.513.129)
Tiền tồn cuối kỳ	70	27.546.451.117	7.153.428.102

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

HÀ XUÂN LONG

Kế toán trưởng

Ngày 21 tháng 02 năm 2009

PHẠM VĂN DƯỢC

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

(Đơn vị tính bằng VNB, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Docimexco trước đây là Công ty Thương nghiệp Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Đồng Tháp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước, sau đó Công ty được chuyển sang hình thức Công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 04/QĐ-UBND-TL ngày 12 tháng 01 năm 2007 của Uỷ Ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Thời điểm bàn giao sang Công ty Cổ phần là ngày 06/7/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000075 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 09/9/2007.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 88.700.000.000 đồng, được chia thành 8.870.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng, tất cả cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông. Các cổ đông đang nắm giữ cổ phần của Công ty đến ngày lập báo cáo là:

Danh sách cổ đông:	% cổ phần sở hữu	Số lượng cổ phần
+ Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp	21,55	1.911.400
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim	48,82	4.330.392
+ Doanh nghiệp tư nhân Tuấn Lộc	4,50	399.200
+ 507 cổ đông còn lại	25,13	2.229.008
Cộng	100,00	8.870.000

2. Ngành nghề kinh doanh

Bách hoá vải sợi, điện máy, xe đạp, xe máy, vật liệu xây dựng, chất dốt, nông sản thực phẩm, lương thực, xuất khẩu lương thực, nông sản, thực phẩm, chế biến đông lạnh được nhà nước cho phép. Nhập khẩu vật tư nguyên liệu phục vụ sản xuất nông nghiệp, chế biến hàng xuất khẩu và một số hàng tiêu dùng thiết yếu được Nhà nước cho phép. Kinh doanh rượu, bia, nước giải khát. Nhập khẩu hàng nông, lâm hải sản phục vụ sản xuất chế biến để tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Kinh doanh mặt hàng gỗ tròn và gỗ xẻ các loại. Kinh doanh hàng thuỷ sản. Sản xuất và kinh doanh thức ăn gia súc. Nuôi cá (nước mặn, nước ngọt, nước lợ). Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản. Khai thác cát, đá, đất. Xây dựng công trình, hạng mục công trình, san lấp mặt bằng. Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê. Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu Công nghiệp. Đầu tư xây dựng kinh doanh khai thác và quản lý chợ. Mua bán, nhập khẩu phân bón các loại.

3. Tên giao dịch, trụ sở, chi nhánh và các đơn vị trực thuộc

- Công ty có tên giao dịch quốc tế là: Dong Thap Trading Corporation.
- Trụ sở chính đặt tại số 89 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Văn phòng đại diện tại Hồ Chí Minh; Chi nhánh Docifish; Chi nhánh Docifood; Chi nhánh Docitrade và Chi nhánh Dociland.

Các đơn vị sản xuất trực thuộc Công ty có con dấu riêng; có tài khoản tiền gửi tại ngân hàng và hạch toán phụ thuộc Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(Đơn vị tính bằng VNB, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. **Tổng số các Công ty con:** 02 Công ty.
5. **Tổng số các Công ty liên doanh, liên kết:** 02 Công ty.
6. **Danh sách các Công ty được hợp nhất**

<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH Một thành viên Tín Thành	Số A4 - TTTM Sa Đéc, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	Nuôi trồng thủy sản, thương mại	100%	100%
Công ty TNHH Một thành viên DV PT Nông nghiệp Đồng Tháp	252 Nguyễn Huệ, Tp Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất, thương mại	100%	100%
Công ty TNHH Domyfeed (*)	Khu C, KCN Sa Đéc, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất, thương mại	70%	70%
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu An Giang	01 Ngô Gia Tự, Tp Long Xuyên, tỉnh An Giang	Sản xuất, thương mại, dịch vụ	30%	30%

(*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5102000421 ngày 31/10/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, Công ty góp 22,5 tỷ đồng tương đương 50% vốn điều lệ của Công ty TNHH Domyfeed. Tính đến thời điểm 31/12/2008, số vốn thực góp của Công ty là 31.500.000.000 đồng (tương đương 70% vốn điều lệ). Công ty TNHH Domyfeed đang tiến hành các thủ tục cần thiết để đăng ký thay đổi tỷ lệ sở hữu vốn góp của các bên trong liên doanh tại cơ quan có thẩm quyền. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 của Công ty TNHH Domyfeed chưa được kiểm toán.

8. **Tổng số công nhân viên:** 1.812 người.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(Đơn vị tính bằng VNB, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

III. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam phù hợp với hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không chủ định trình bày nhằm cung cấp các thông tin tài chính theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ ngoài Việt Nam.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán áp dụng

1. Hợp nhất báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Docimexco và các Công ty con ("Nhóm Công ty") vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đổi với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ sách. Báo cáo tài chính của công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Nhóm Công ty theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Đầu tư vào Công ty liên kết

Đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là một đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể và đơn vị đó không phải là một Công ty con hay một liên doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(Đơn vị tính bằng VNB, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, đầu tư vào Công ty liên kết được phản ảnh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc cộng với giá trị thay đổi trong tài sản thuần của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Nhóm Công ty nắm giữ. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được bao gồm trong giá trị sổ sách của khoản đầu tư và được phân bổ trong thời gian 10 năm.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần kết quả hoạt động của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Nhóm Công ty nắm giữ. Khi có các khoản được ghi trực tiếp vào các tài khoản thuộc vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết, Nhóm Công ty ghi nhận phần tỉ lệ của mình, khi thích hợp, vào các tài khoản thuộc nguồn vốn sở hữu tương ứng của Nhóm Công ty. Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch giữa Nhóm Công ty với Công ty liên kết sẽ được loại trừ tương ứng với phần lợi ích trong Công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty.

3. Đầu tư vào Công ty liên doanh

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Các liên doanh được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

4. Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế được lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

6. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tài sản và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập Bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ được kết chuyển vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(Đơn vị tính bằng VNB, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

8. Phải thu khách hàng

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

9. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Quyết định 206/2003/QĐ/BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính. Tái sản cố định và tỷ lệ khấu hao như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

(Đơn vị tính bằng VNB, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao
Hệ thống mạng máy tính	05 năm
Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 20 năm
Phương tiện vận chuyển	05 – 08 năm
Máy móc thiết bị	05 – 10 năm
Tài sản cố định khác	05 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	03 – 10 năm

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn luỹ kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản.

Khi bất động sản đầu tư được bán, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoặc bán hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán.

11. Chi phí trả trước

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trước dài hạn để phân bổ dần không quá 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

Chi phí dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh lớn;

Lợi thế thương mại theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa.

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty con được phân bổ trong thời gian 10 năm, bất lợi thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty con được ghi nhận vào thu nhập trên báo cáo tài chính hợp nhất.

12. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm lập báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn

13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

(Đơn vị tính bằng VNB, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Dự phòng trợ cấp mất việc làm: Công ty trích lập theo tỷ lệ 3% trên tổng quỹ lương đóng bảo hiểm y tế và xã hội

Dự phòng phải trả được ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc hoàn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

14. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cũng được trích lập với tỷ lệ là 20% và 3% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 17% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong kỳ; và 6% sẽ được trích từ lương của người lao động.

15. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

16. Chi phí lãi vay

Lãi tiền vay của khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản. Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

17. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

18. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 28% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có. Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư điều chỉnh bổ sung số 67/UĐĐT-UB ngày 31/12/2001 do Uỷ ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp, Công ty được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến thuỷ sản đông lạnh xuất khẩu Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp như sau:

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: được hưởng thuế suất 20%;
- Được miễn thuế 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 4 năm tiếp theo, kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(Đơn vị tính bằng VNB, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Ngoài ra, Công ty còn được hưởng thêm ưu đãi về thuế thu nhập như sau:

Được giảm 50% số thuế phải nộp cho phần thu nhập có được trong các trường hợp: Xuất khẩu của năm đầu tiên được thực hiện bằng cách xuất khẩu trực tiếp; xuất khẩu mặt hàng mới có tính năng kinh tế - kỹ thuật, tính năng sử dụng khác với mặt hàng trước đây Công ty đã xuất khẩu; xuất khẩu ra thị trường một quốc gia mới hoặc lãnh thổ mới khác với thị trường trước đây.

Được giảm 50% số thuế phải nộp cho phần thu nhập tăng thêm do xuất khẩu trong năm tài chính đối với nhà đầu tư có doanh thu xuất khẩu năm sau cao hơn năm trước.

Được giảm 20% số thuế phải nộp cho phần thu nhập có được do xuất khẩu trong năm tài chính đối với các trường hợp có doanh thu xuất khẩu đạt tỷ trọng trên 50% tổng doanh thu; duy trì thị trường xuất khẩu ổn định về số lượng hoặc giá trị hàng hoá xuất khẩu trong 3 năm liên tục trước đó.

Hiện tại, Công ty tự xác định được hưởng các ưu đãi về thuế như đã đề cập ở trên.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

20. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ. Riêng khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu khi chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần được Công ty chuyển về cho Ủy ban nhân dân Tỉnh Đồng Tháp.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1. Tiền		31/12/2008	01/01/2008
Tiền mặt	VND	6.850.115.306	4.235.036.700
Tiền mặt	USD&EUR	189.159.225	10.137.309
Tiền gửi ngân hàng	VND	15.314.757.166	2.776.718.675
Tiền gửi ngân hàng	USD&EUR	5.187.364.396	131.535.418
Tiền đang chuyển	VND	5.055.024	-
Cộng		27.546.451.117	7.153.428.102

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

(Đơn vị tính bằng VNB, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Các khoản phải thu ngắn hạn		31/12/2008	01/01/2008
Phải thu khách hàng	(2.1)	73.062.116.104	71.728.693.479
Trả trước người bán	(2.2)	34.361.288.636	13.563.755.689
Phải thu khác	(2.3)	<u>24.557.461.000</u>	<u>43.496.892.785</u>
Cộng		<u>131.980.865.740</u>	<u>128.789.341.953</u>
Dự phòng phải thu khó đòi		<u>(1.614.168.579)</u>	<u>(3.910.000)</u>
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn		<u>130.366.697.161</u>	<u>128.785.431.953</u>

(2.1) Số dư các khoản phải thu khách hàng vào ngày 31/12/2008 là 73.062.116.104 đồng phát sinh từ các hoạt động kinh doanh bình thường của Công ty, trong đó các khoản phải thu có gốc ngoại tệ là 3,609,619.50 USD tương đương 61.280.815.590 đồng.

(2.2) Số dư các khoản trả trước người bán vào ngày 31/12/2008 là 34.361.288.636 đồng bao gồm: các khoản ứng trước tiền mua nguyên liệu vật tư, hàng hoá, xây dựng các công trình và nhập khẩu dây chuyền chế biến thức ăn cá dạng viên nồi cho các nhà cung cấp.

2.3 Bao gồm:		31/12/2008
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim	(a)	20.000.000.000
Công ty TNHH Domyfeed	(b)	2.151.549.046
Khác		<u>2.405.911.954</u>
Cộng		<u>24.557.461.000</u>

(a) Là khoản phải thu ứng trước tiền đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim (sau đây gọi tắt là "Nguyễn Kim"), Công ty Cổ phần Docimexco ứng trước cho Nguyễn Kim 20.000.000.000 đồng. Số tiền này sẽ được giải ngân để đầu tư vào danh mục bất động sản do hai bên thỏa thuận.

(b) Là các khoản phải thu liên quan đến việc ứng vốn cho Công ty liên doanh để hoạt động sản xuất kinh doanh.

3. Hàng tồn kho		31/12/2008	01/01/2008
Nguyên vật liệu		13.449.348.755	8.016.945.500
Công cụ, dụng cụ trong kho		827.614.557	1.913.932.163
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang		3.315.123.475	-
Thành phẩm tồn kho		166.790.447.494	72.976.625.081
Hàng hoá		132.377.675.476	99.349.973.454
Hàng gửi bán		19.180.282.950	-
Cộng		<u>335.940.492.707</u>	<u>182.257.476.198</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		<u>(75.118.781.508)</u>	<u>-</u>
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho		<u>260.821.711.199</u>	<u>182.257.476.198</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(Đơn vị tính bằng VNB, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Giá trị hàng hoá đến ngày 31/12/2008 là 132.377.675.476 đồng. Trong đó, giá trị hàng hoá bất động sản là 5.216.479.700 đồng được chuyển từ bất động sản đầu tư (tất cả là quyền sử dụng đất vô thời hạn) cho mục đích để bán.

4. Tài sản ngắn hạn khác		31/12/2008	01/01/2008
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ		1.058.354.104	1.068.820.342
Thuế GTGT được khấu trừ		3.922.686.781	6.719.751.420
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thửa		2.025.083.560	-
Tài sản thiếu chờ xử lý		421.048.571	690.126.211
Tạm ứng		1.925.935.749	6.027.579.925
Ký quỹ ngắn hạn	(*)	1.448.939.760	4.628.485.000
Cộng		10.802.048.525	19.134.762.898

(*) Ký quỹ ngắn hạn bao gồm:	31/12/2008	01/01/2008
+ Ký quỹ NH Công Thương Đồng Tháp mở L/C	1.288.939.760	4.468.185.000
+ Ký quỹ NH ACB	110.000.000	110.300.000
+ Ký quỹ NH Eximbank	50.000.000	50.000.000
Cộng	1.448.939.760	4.628.485.000

5. Tài sản cố định						Đơn vị tính: triệu đồng
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	70.283	29.451	4.530	1.775	-	106.039
Tăng từ Công ty con	3.777	196	764	62	98	4.897
Mua mới	283	1.979	3.178	841	101	6.382
XDCB hoàn thành	6.795	15.298	2.214			24.307
Giảm	-	34	300	17	-	351
Số dư cuối kỳ	81.138	46.889	10.387	2.662	199	141.275
Khấu hao lũy kế						
Số dư đầu kỳ	44.833	15.116	2.447	1.115	-	63.511
Tăng từ Công ty con	945	124	245	50	72	1.437
Tăng	5.358	4.700	1.076	347	18	11.500
Giảm	-	16	278	11	-	304
Số dư cuối kỳ	51.137	19.924	3.491	1.501	90	76.144
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	25.450	14.335	2.083	660	-	42.528
Số dư cuối kỳ	30.001	26.965	6.896	1.160	108	65.131

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(Đơn vị tính bằng VNB, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 564.642.190 đồng bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc là 462.041.000 đồng; máy móc thiết bị là 57.166.000 đồng và thiết bị quản lý là 45.435.190 đồng.

6. Tài sản cố định vô hình	Quyền sử dụng đất	Tài sản khác	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	4.051.337.460	46.941.000	4.098.278.460
Tăng từ Công ty con	692.680.000		692.680.000
Giảm	-		-
Số dư cuối kỳ	4.744.017.460	46.941.000	4.790.958.460
Khấu hao luỹ kế			
Số dư đầu kỳ	-	37.573.374	37.573.374
Tăng	11.355.333	9.367.626	20.722.959
Giảm	-	-	-
Số dư cuối kỳ	11.355.333	46.941.000	58.296.333
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	4.051.337.460	9.367.626	4.060.705.086
Số dư cuối kỳ	(*) 4.732.662.127	-	4.732.662.127

(*) Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất vô thời hạn tại chi nhánh Docifood 450.697.460 đồng; quyền sử dụng đất tại kho chi nhánh Docitrade 473.600.000 đồng; quyền sử dụng đất tại Chi nhánh Dociland 535.040.000 đồng; quyền sử dụng đất tại Chi nhánh TP.HCM 2.592.000.000 đồng; và quyền sử dụng đất tại thành phố Cao Lãnh - tỉnh Đồng Tháp có thời hạn 50 năm (đến ngày 21/3/2058) là 635.880.000 đồng; và quyền sử dụng đất tại huyện Cao Lãnh - tỉnh Đồng Tháp (đến ngày 08/5/2058) là 56.800.000 đồng.

7. Xây dựng cơ bản dở dang		31/12/2008	01/01/2008
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho các dự án:			
- Công trình khu công nghiệp Sông Hậu	(7.1)	16.470.739.859	54.246.613.267
- Công trình đầu tư XD nhà máy chế biến gạo	(7.2)	1.606.674.096	1.582.273.018
- Công trình mở rộng phân xưởng chế biến		-	4.262.872.554
- Công trình nhà máy chế biến thuỷ sản		-	297.275.132
- Các công trình khác		64.625.909	483.605.140
Cộng		18.142.039.864	60.872.639.111

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

(Đơn vị tính bằng VNB, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(7.1) Đây là khoản chi liên quan đến việc đầu tư vào công trình khu công nghiệp Sông Hậu do Công ty làm chủ đầu tư theo Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Sông Hậu, tỉnh Đồng Tháp, hạng mục công trình đê bù và đường giao thông, thoát nước. Tổng mức vốn đầu tư là 83,3 tỷ đồng từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước. Tổng mức đầu tư đã thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách đến ngày 31/12/2008 là 59.750.838.000 đồng. Trong năm 2008, Công ty đã quyết toán với Kho bạc Nhà nước tỉnh Đồng Tháp liên quan đến chi phí đê bù là 49.571.201.000 đồng. Thời gian kinh doanh là 50 năm kể từ ngày có quyết định đầu tư. Công ty đã khai thác kinh doanh cho thuê lại một phần khu công nghiệp.

(7.2) Công trình đầu tư xây dựng nhà máy chế biến gạo và kho phân bón vật tư nông nghiệp tại Khu kinh tế Dinh Bà, tổng mức đầu tư là 10,9 tỷ đồng. Công ty đang tiến hành các thủ tục thuê thêm diện tích đất và chưa tiến hành khởi công xây dựng nhà máy.

8. Bất động sản đầu tư	Chi phí san lấp	Cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	1.408.131.849	1.408.131.849
Tăng	-	-
Giảm	-	-
Số dư cuối kỳ	(*) 1.408.131.849	1.408.131.849
Khấu hao luỹ kế		
Số dư đầu kỳ	326.921.373	326.921.373
Tăng	326.921.373	326.921.373
Giảm	-	-
Số dư cuối kỳ	653.842.746	653.842.746
Giá trị còn lại		
Số dư đầu kỳ	1.081.210.476	1.081.210.476
Số dư cuối kỳ	754.289.103	754.289.103

(*) Chi phí san lấp mặt bằng tại cồn Đông Quới, cồn Đông Giang - xã Tân Khánh Đông - thị xã Sa Đéc - tỉnh Đồng Tháp.

9. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Tỷ lệ chủ sở		
Tên công ty	hữu	31/12/2008	01/01/2008
Công ty TNHH Tín Thành		-	7.398.042.801
Mua cổ phần Công ty XNK An Giang	(9.1)	30%	120.703.703.628
Công ty TNHH Domyfeed	(9.2)	70%	31.129.145.275
Cộng			151.832.848.903
			11.210.912.801

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(Đơn vị tính bằng VNB, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(9.1) Đầu tư dài hạn mua 1.774.403 cổ phần Công ty cổ phần XNK An Giang với giá mua là 36.300 đồng/cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần), giá trị sổ sách ngày 31/12/2008 của Công ty Cổ phần XNK An Giang dự kiến là 43.615 đồng/cổ phần, tỷ lệ vốn góp của Công ty chiếm 30% (tổng vốn điều lệ: 58.285 triệu đồng). Công ty chưa nhận được bất kỳ các khoản cổ tức hay lợi nhuận được chia nào từ khoản đầu tư trên.

(9.2) Là khoản vốn góp liên doanh cùng Công ty Cổ phần Hoàn Mỹ thành lập Công ty TNHH Domyfeed để bán buôn, bán lẻ thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn gia cầm và thuỷ sản, sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản, kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hoá theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5102000421 ngày 31/10/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, Công ty góp 22,5 tỷ đồng tương đương 50% vốn điều lệ của Liên doanh. Tính đến thời điểm 31/12/2008, số vốn thực góp của Công ty là 31.500.000.000 đồng (tương đương 70% vốn điều lệ). Công ty liên doanh đang tiến hành các thủ tục cần thiết để đăng ký thay đổi tỷ lệ sở hữu vốn góp của các bên trong liên doanh tại cơ quan có thẩm quyền. Liên doanh đang trong quá trình đầu tư xây dựng nhà máy, chưa chính thức đi vào hoạt động.

10. Đầu tư dài hạn khác		31/12/2008	01/01/2008
Mua cổ phần Công ty XNK An Giang		-	64.410.828.900
Mua 100% Công ty DVPTNN Đồng Tháp		-	1.000.000.000
Mua cổ phần Công ty Du lịch Đồng Tháp	(10.1)	1.000.000.000	1.000.000.000
Đầu tư tại Công ty CP Thuốc sát trùng VN	(10.2)	185.824.000	-
Mua công trái giáo dục		54.510.000	54.510.000
Mua công trái, trái phiếu Chính phủ		128.815.000	128.815.000
Cộng		1.369.149.000	66.594.153.900

(10.1) Đầu tư dài hạn mua 100.000 cổ phần Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Tháp với giá mua là 10.000 đồng/cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần). Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, tỷ lệ vốn góp của Công ty chiếm 7,6% vốn điều lệ của Công ty này (tổng vốn điều lệ: 13.135.500.000 đồng). Trong năm 2008, Công ty đã nhận được cổ tức được chia của năm 2007 là 30.000.000 đồng.

(10.2) Đầu tư vào Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam chi tiết như sau:

	Số lượng cổ phần	Giá mua	Thành tiền
- Mua cổ phần Công ty CP Thuốc sát trùng VN	20.000	8.091	161.824.000
- Nhận cổ tức năm 2007 được chia bằng cổ phần (thực nhận trong năm 2008)	2.400	10.000	24.000.000
Cộng	22.400		185.824.000

Trong năm 2008, Công ty đã nhận được cổ tức được chia của đợt 1 năm 2008 là 15.680.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

(Đơn vị tính bằng VNB, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

11. Chi phí trả trước dài hạn		31/12/2008	01/01/2008
Lợi thế thương mại	(*)	1.607.253.068	2.678.755.112
Chi phí sửa chữa tài sản cố định		194.732.762	-
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ		3.412.460.367	1.267.352.454
Cộng		5.214.446.197	3.946.107.566

(*) Lợi thế thương mại theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa.

12. Vay và nợ ngắn hạn		31/12/2008	01/01/2008
Vay ngắn hạn ngân hàng	(*)	296.913.893.850	264.886.220.166
Nợ dài hạn đến hạn trả	19(*)	6.465.120.000	4.215.120.000
Cộng		303.379.013.850	269.101.340.166

(*) Chi tiết các khoản nợ vay ngắn hạn ngân hàng

	Số dư đầu năm	Tăng	Giảm	Số dư cuối năm
NH Công Thương - Đồng Tháp	200.952.394.914	848.979.872.798	865.876.655.862	184.055.611.850
NH Ngoại Thương - Đồng Tháp	-	31.700.000.000	10.000.000.000	21.700.000.000
NH Đầu tư PT - Đồng Tháp	38.957.431.000	493.081.000.000	461.353.431.000	70.685.000.000
NH Phát triển - Đồng Tháp	24.976.394.252	151.181.770.600	165.684.882.852	10.473.282.000
NH Sài Gòn TT - Đồng Tháp	-	14.602.290.000	14.602.290.000	-
NH TMCP Á Châu CN Phan Đình Phùng	-	107.999.788.347	107.999.788.347	-
NH TMCP An Bình CN Cần Thơ	-	12.000.000.000	2.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	264.886.220.166	1.659.544.721.745	1.627.517.048.061	296.913.893.850

Khoản vay Ngân hàng Công Thương Việt Nam Chi nhánh Đồng Tháp theo hợp đồng vay ngắn hạn số 076/08/PKHDN/HDTD ngày 15/5/2008 với hạn mức tín dụng 280 tỷ đồng. Đến ngày 31/12/2008, tổng số dư nợ vay là 184.055.611.850 đồng theo 41 khế ước nhận nợ vay bao gồm các khoản vay bằng nội tệ là 170.474.957.400 đồng, lãi suất: 0,92 %/tháng - 1,15 %/tháng và các khoản vay bằng ngoại tệ là 778,261.00 USD tương đương 13.580.654.450 đồng, lãi suất 6%/năm. Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thế chấp với nguyên giá là 9.037.936.409 đồng (giá trị còn lại ngày 31/12/2008 là 6.275.659.216 đồng).

Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp theo hợp đồng vay ngắn hạn số 246/08/NHNTĐT ngày 12/12/2008 với hạn mức tín dụng 30 tỷ đồng, lãi suất từ 0,92%/tháng. Đến ngày 31/12/2008, tổng số dư nợ vay là 21.700.000.000 đồng theo 2 khế ước nhận nợ vay. Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(Đơn vị tính bằng VNB, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Khoản vay Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Đồng Tháp theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 01/08/HĐHM ngày 02/5/2008 với hạn mức tín dụng 100 tỷ đồng. Đến ngày 31/12/2008, số dư nợ vay là 70.685.000.000 đồng theo 13 khế ước nhận nợ vay bao gồm các khoản vay bằng nội tệ là 30.550.000.000 đồng, lãi suất: 0,92 %/tháng - 1,17 %/tháng và các khoản vay bằng ngoại tệ là 2,300,000.00 USD tương đương 40.135.000.000 đồng, lãi suất 5,5 %/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

Số dư nợ vay **Ngân hàng Phát triển Đồng Tháp** vào ngày 31/12/2008 là 10.473.282.000 đồng bao gồm: hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 06/2008/HĐTDHM - NHPT ngày 09/5/2008 với hạn mức tín dụng 27 tỷ đồng, lãi suất từ 10,8 %/năm đến 16,8 %/năm là 5.725.000.000 đồng; và 4 hợp đồng tín dụng tín chấp hỗ trợ xuất khẩu với lãi suất 15,6 %/năm là 4.748.282.000 đồng. Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thế chấp với nguyên giá là 3.074.123.942 đồng (giá trị còn lại ngày 31/12/2008 là 2.903.531.450 đồng).

Khoản vay Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Cần Thơ theo hợp đồng vay ngắn hạn số 0162/08/TD/III.1 ngày 03/12/2008 với hạn mức tín dụng 60 tỷ đồng, lãi suất 12,75 %/năm. Đến ngày 31/12/2008, tổng số dư nợ vay là 10 tỷ đồng theo 2 khế ước nhận nợ vay. Các khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu với tổng giá trị tài sản đảm bảo là 72 tỷ đồng.

13. Phải trả người bán và người mua trả trước	31/12/2008	01/01/2008
Phải trả người bán	(13.1) 37.420.913.378	17.785.912.481
Người mua trả tiền trước	(13.2) 30.952.968.231	4.164.488.945
Cộng	68.373.881.609	21.950.401.426

(13.1) Số dư các khoản phải người bán vào ngày 31/12/2008 là 37.420.913.378 đồng phát sinh từ hoạt động kinh doanh bình thường, trong đó các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ là 144,530.00 CNY tương đương 353.171.501 đồng.

(13.2) Số dư các khoản người mua trả tiền trước vào ngày 31/12/2008 là 30.952.968.231 đồng. Trong đó, chủ yếu bao gồm khoản người mua trả tiền trước liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 8.100.000.000 đồng; và khoản người mua trả tiền trước liên quan đến việc nhận ủy thác nhập khẩu máy móc là 21.594.024.000 đồng. Các khoản người mua trả tiền trước có gốc ngoại tệ là 67,486.00 USD tương đương 1.145.075.378 đồng.

14. Thuế và các khoản phải nộp	31/12/2008	01/01/2008
Thuế giá trị gia tăng	3.312.861.480	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.387.448.375	165.948.910
Thuế thu nhập cá nhân	76.846.953	999.179.603
Thuế tài nguyên, thuế nhà đất	196.489.013	97.242.294
Các khoản phí và lệ phí	5.626.860	26.657.185
Cộng	13.979.272.681	1.289.027.992

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

(Đơn vị tính bằng VNB, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

15. Phải trả người lao động	31/12/2008	01/01/2008
Tiền lương phải trả	1.520.137.029	2.932.328.178
Tiền lương tháng 13 phải trả	2.927.497.982	995.288.026
Cộng	4.447.635.011	3.927.616.204
16. Chi phí phải trả	31/12/2008	01/01/2008
Chi phí lãi vay phải trả	503.099.346	676.942.823
Cộng	503.099.346	676.942.823
17. Phải trả khác	31/12/2008	01/01/2008
Tài sản thừa chờ xử lý	619.755.519	765.584.103
Kinh phí công đoàn	375.981.573	206.036.464
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	31.136.602	4.681.897
Phải trả về cổ phần hoá	15.399.496.021	46.402.374.587
Phải trả khác (*)	27.090.567.823	9.002.418.791
Cộng	43.516.937.538	56.381.095.842
(*) Bao gồm:	31/12/2008	
- Nhận tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng xuất khẩu gạo (575.000.00 USD)	10.004.820.000	
- Phải trả Ông Nguyễn Bảo Toàn	738.000.000	
- Phải trả ngân sách Nhà nước	7.195.108.917	
- Các khoản nhận kỹ quỹ ngắn hạn	1.510.000.000	
- Phải trả Công ty Hoàn Mỹ	1.377.080.915	
- Phải trả tiền cổ tức đợt I/2008	4.811.500.000	
- Các khoản phải trả khác	1.454.057.991	
Cộng	27.090.567.823	
18. Phải trả dài hạn khác	31/12/2008	01/01/2008
Phải trả ngân sách Nhà nước	(18.1) 10.179.637.000	52.983.393.000
Doanh thu nhận trước	(18.2) 22.742.500.303	11.645.652.391
Cộng	32.922.137.303	64.629.045.391

(18.1) Phải trả dài hạn khác là nguồn vốn đầu tư vào khu Công nghiệp Sông Hậu do ngân sách Nhà nước thực hiện.

(18.2) Doanh thu nhận trước đến ngày 31/12/2008 là 22.742.500.303 đồng là các khoản tiền cho thuê đất theo các hợp đồng cho thuê lại đất tại khu Công nghiệp Sông Hậu ký giữa Công ty và các đơn vị thuê đất trong khu Công nghiệp Sông Hậu. Công ty chưa ghi nhận doanh thu và chi phí liên quan đến hoạt động cho thuê lại đất khu công nghiệp do các doanh nghiệp thuê đất đang trong giai đoạn được ưu đãi miễn tiền thuê đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

(Đơn vị tính bằng VNB, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

19. Vay dài hạn		31/12/2008	01/01/2008
Vay dài hạn		23.736.269.407	22.122.272.204
Cộng		23.736.269.407	22.122.272.204
Trừ các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả	(*)	(6.465.120.000)	(4.215.120.000)
Tổng cộng		17.271.149.407	17.907.152.204

Chi tiết các khoản nợ vay dài hạn ngân hàng

	Số dư đầu năm	Tăng	Giảm	Số dư cuối năm
Quỹ hỗ trợ PT - Đồng Tháp	4.836.268.000	-	1.965.120.000	2.871.148.000
Quỹ Đầu tư PT - Đồng Tháp	8.015.822.300	5.484.177.700	2.250.000.000	11.250.000.000
NH Ngoại Thương - Vũng Tàu	9.270.181.904	344.939.503	-	9.615.121.407
Cộng	22.122.272.204	5.829.117.203	4.215.120.000	23.736.269.407

Khoản vay Quỹ hỗ trợ phát triển - Chi nhánh Đồng Tháp nhằm mục đích đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến thuỷ sản đông lạnh xuất khẩu Sa Đéc theo hợp đồng tín dụng số 04-HĐ/TDNN 2001 ngày 06/7/2001, hợp đồng tín dụng số 14/HĐ/TDNN 2001 ngày 03/12/2001 và hợp đồng tín dụng điều chỉnh số 01-HĐĐC/TDNN 2002 với lãi suất 5,4%/năm, đáo hạn vào năm 2010. Số dư 31/12/2008 là 2.871.148.000 đồng, trong đó nợ đến hạn trả trong năm 2009 là 1.965.120.000 đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

Khoản vay Quỹ đầu tư phát triển - Chi nhánh Đồng Tháp nhằm mục đích đầu tư mở rộng phân xuồng chế biến thuỷ sản đông lạnh xuất khẩu Sa Đéc theo hợp đồng tín dụng số 11/2007-HĐTD ngày 25/9/2007 với mức vay 13.500.000.000 đồng, lãi suất 9%/năm, đáo hạn vào ngày 25/6/2011. Số dư 31/12/2008 là 11.250.000.000 đồng được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay, trong đó nợ đến hạn trả trong năm 2009 là 4.500.000.000 đồng, kỳ hạn trả nợ 3 tháng/kỳ.

Số dư nợ vay **Ngân hàng Ngoại Thương Chi nhánh Vũng Tàu** đến ngày 31/12/2008 là 9.615.121.407 đồng, bao gồm 2 khoản nợ có gốc ngoại tệ là 686,147 USD với tỷ giá quy đổi là 7.900 đồng/USD và khoản nợ có gốc ngoại tệ là 240,376 USD với tỷ giá quy đổi là 17.450 đồng/USD. Các khoản nợ vay này cùng với tỷ giá quy đổi đã được Ngân hàng Ngoại Thương Chi nhánh Vũng Tàu xác nhận.

20. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số dư đầu kỳ	159.983.446
Tăng trong kỳ	399.890.121
Giảm trong kỳ	503.110.264
Số dư cuối kỳ	56.763.303

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(Đơn vị tính bằng VNB, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

21. Tình hình tăng giảm vốn

	Đầu kỳ	Tăng	Giảm	Cuối kỳ
Nguồn vốn kinh doanh	88.700.000.000	-	-	88.700.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-
Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-
Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	-	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	3.403.112.734	125.350.975.547	19.476.692.852	109.277.395.429
Quỹ khen thưởng phúc lợi	(500.739.866)	1.020.933.820	2.863.484.346	(2.343.290.392)
Cộng	91.602.372.868	126.371.909.367	22.340.177.198	195.634.105.037

Lợi nhuận chưa phân phối giảm do:

- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.020.933.820
- Tạm chia cổ tức đợt I năm 2008	22.175.000.000
- Điều chỉnh theo quyết toán thuế	24.728.423
- Giảm lợi nhuận được chia năm 2007 từ liên doanh	300.543.932
- Giảm lỗ lũy kế trước khi mua Công ty TNHH Một Thành viên Docifarm	(4.044.513.323)
Cộng	19.476.692.852

Theo biên bản họp Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Docimexco ngày 14/01/2009, Công ty sẽ tiến hành trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế. Theo đó, Quỹ khen thưởng phúc lợi sẽ được trích lập với số tiền là 5.823.890.000 đồng.

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Từ 07/7/2007 đến	
	Năm 2008	31/12/2007
22. Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	1.836.565.686.410	602.684.988.975
- Trong đó doanh thu xuất khẩu	1.289.897.529.761	447.153.276.796
Chiết khấu thương mại - giảm giá hàng bán	(4.530.784.958)	(418.787.042)
Thuế xuất khẩu	(2.217.600.000)	-
Cộng doanh thu thuần	1.829.817.301.452	602.266.201.933

	Từ 07/7/2007 đến	
	Năm 2008	31/12/2007
23. Giá vốn		
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa đã bán	1.558.984.270.695	556.518.860.816
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	75.118.781.508	-
Cộng	1.634.103.052.203	556.518.860.816

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(Đơn vị tính bằng VNB, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

		Từ 07/7/2007 đến
	Năm 2008	31/12/2007
24. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.541.577.038	145.166.257
Lãi tiền cho vay	3.924.678.598	390.902.745
Lãi đầu tư trái phiếu, mua công trái	60.475.000	6.970.000
Lãi từ hoạt động liên doanh được chia	30.000.000	1.183.580.831
Lãi do được hưởng chiết khấu	473.976.391	360.570.827
Lãi chênh lệch tỷ giá	23.714.824.324	2.448.500.037
Thu nhập từ bán ngoại tệ	13.941.546.605	-
Lãi do hàng bán trả chậm	62.689.057	544.158.876
Thu nhập tài chính khác	205.771.756	51.729.293
Cộng	44.955.538.769	5.131.578.866
25. Chi phí hoạt động tài chính		Từ 07/7/2007 đến
Chi phí lãi vay	62.497.803.439	12.109.693.954
Lỗ chênh lệch tỷ giá	8.666.537.046	1.947.068.517
Chi phí tài chính khác	1.920.839.724	92.367.337
Cộng	73.085.180.209	14.149.129.808
26. Chi phí bán hàng		Từ 07/7/2007 đến
Chi phí vận chuyển	23.217.027.543	11.553.914.099
Chi phí bao bì	7.227.452.012	3.873.810.376
Chi phí thuê kho	5.875.309.437	2.641.163.865
Chi phí hoa hồng	2.234.114.173	783.686.734
Chi phí gia công	2.188.079.906	766.281.237
Chi phí bốc xếp	2.871.894.880	1.628.861.317
Chi phí bảo hiểm	497.193.063	265.789.880
Chi phí kiểm dịch, khử trùng	586.922.640	154.248.740
Chi phí chuyển tiền	521.759.904	373.335.205
Chi phí giám sát	782.515.634	995.264.677
Chi phí khác bằng tiền	2.955.613.347	934.958.075
Cộng	48.957.882.539	23.971.314.205

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

(Đơn vị tính bằng VNB, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

		Từ 07/7/2007 đến
	Năm 2008	31/12/2007
27. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí tiền lương	16.848.939.111	4.463.307.218
Chi phí công cụ dụng cụ	4.189.940.599	822.702.370
Chi phí khấu hao	2.590.541.548	608.660.785
Chi phí tiếp khách, hội nghị	1.284.896.579	305.574.174
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.264.384.009	830.613.357
Chi phí chuyển tiền	461.864.742	247.344.448
Chi phí dự phòng	438.889.136	-
Công tác phí	942.761.232	675.443.296
Phân bổ chi phí lợi thế thương mại	374.478.148	-
Chi phí khác bằng tiền	4.590.952.685	762.817.285
Cộng	33.987.647.789	8.716.462.933
		Từ 07/7/2007 đến
28. Thu nhập khác		31/12/2007
Thu tiền bồi thường	485.468.025	-
Thu từ thanh lý TSCĐ, phế liệu	135.620.918	15.000.000
Thu hồi công nợ cũ	137.786.777	-
Xử lý công nợ phải trả	453.821.624	-
Bất lợi thương mại phát sinh từ việc mua Công ty con	1.104.192.346	-
Thu nhập khác	51.728.243	23.871.288
Cộng	2.368.617.933	38.871.288
		Từ 07/7/2007 đến
29. Chi phí thuế TNDN hiện hành		31/12/2007
Lợi nhuận kế toán trước thuế	142.859.340.746	4.053.167.711
Cộng các khoản chi phí không hợp lệ	318.584.695	-
Cộng chi phí lãi vay phải trả	503.099.346	-
Cộng lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(31.812.837)	-
Cộng lỗ kinh doanh của Công ty con	6.818.496.434	-
Cộng phân bổ lợi thế thương mại khi hợp nhất	374.478.148	-
Trừ thu nhập bất lợi thương mại khi hợp nhất	(1.104.192.346)	-
Trừ chi phí dự phòng hàng tồn kho năm 2007	(718.701.595)	-
Trừ lỗ chuyển quyền sử dụng đất, thuế đất mang sang	(70.160.548)	-
Trừ thu nhập tư góp vốn liên doanh, liên kết	(55.998.075.003)	(1.183.580.831)
Lợi nhuận chịu thuế	92.951.057.040	2.869.586.880
Thuế suất	28%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính	26.026.295.971	803.484.327
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn	(8.517.930.772)	(153.429.350)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp ước tính	17.508.365.199	650.054.977

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(Đơn vị tính bằng VNB, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Từ 07/7/2007 đến

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2008	31/12/2007
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	125.350.975.547	3.403.112.734
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	125.350.975.547	3.403.112.734
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.870.000	8.870.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	14.132	384

VII. Các thông tin khác

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Công ty không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.

HÀ XUÂN LONG

Kế toán trưởng

Ngày 20 tháng 02 năm 2009

PHẠM VĂN ĐƯỢC

Tổng Giám đốc